TOÀ ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN ĐOAN HÙNG	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
TỈNH PHÚ THỌ	

Bản án số: 69/2017/HSST

Ngày 30/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Anh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông**:** Nguyễn Hữu Mùi.

2. Ông: Phạm Chí Hà.

- **Thư ký phiên toà**: Ông Lê Nam - Cán bộ Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng tham gia phiên toà**: Ông **Trần Xuân Hùng-** Kiểm sát viên sơ cấp

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng. Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 41/2017/HSST ngày 11/8/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**- Sinh năm 1989.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 5, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Đảng phái: Không.

Bố đẻ: Nguyễn Văn P – Sinh năm 1952.

Mẹ đẻ: Tăng Thị S - Sinh năm 1957.

Vợ: Lê Thị N- Sinh năm 1993.

Con: Có hai con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Nhân thân; Bản án hình sự sơ thẩm số 27/HSST ngày 29/8/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 07 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2016 đến nay. Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam - Công an tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt).

2. Họ và tên: **Lê Ngọc N**- Sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Thôn 9, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 10/12; Đảng phái: Không.

Bố đẻ: Lê Hồng N – Sinh năm 1946.

Mẹ đẻ: Đặng Thị L - Sinh năm 1954.

Vợ: Nguyễn Thị L - Sinh năm 1988.

Con: Có hai con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013.

Tiền án: 01 tiền án.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 06/2014/HSST ngày 21/01/2014, Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng xử phạt Lê Ngọc N – 27 tháng tù về tội tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy. N chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/12/2015.

Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/11/2017 hiện tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

(Có mặt).

3. Họ và tên: **Lê Kim N** - Sinh năm 1985.

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu 11, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không.

Trình độ học vấn: Lớp 11/12; Đảng phái: Không.

Bố đẻ: Lê Kim K (Đã chết).

Mẹ đẻ: Đỗ Thị Kim H - Sinh năm 1962.

Vợ: Nguyễn Thi T - Sinh năm 1993.

Con: Có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 47/2012/HSST ngày 18/9/2012, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Phú Thọ xử phạt Lê Kim N 30 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. N phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. N đã chấp hành xong phần án phí hình sự vào tháng 11/2012. N chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 29/4/2014. Bị cáo đã được xóa án tích.

Nhân thân; Bản án hình sự sơ thẩm số 27/HSST ngày 29/8/2017 Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt 08 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/12/2016 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ.

(có mặt).

Những người bị hại:

1. Anh: **Lê Xuân T** – sinh năm 1994.

Trú tại: Thôn 9, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ

(vắng mặt).

2. Anh: **Nguyễn Tiến L** – sinh năm 1987.

Trú tại: Khu 7, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt).

3. Anh: **Lê Văn Q**- Sinh năm 1993.

Trú tại: Thôn 1, xã Yên Kiện, huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt).

4. Anh: **Nguyễn Đức Q** – sinh năm 1972.

Trú tại: Tổ 11, phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

(vắng mặt).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Lê Kim N** – sinh năm 1985.

Trú tại: Khu 1, xã T, huyện P, tỉnh Phú Thọ .

(vắng mặt).

2. Anh: **Hà Văn L** - sinh năm 1988.

Trú tại: Thôn Đ, xã K, huyện C, tỉnh Yên Bái. (vắng mặt).

3. Bà: **Tăng Thị S** – sinh năm 1957.

Trú tại: Thôn 5, xã C, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(có mặt).

4. Anh **Nguyễn Tiến H**- Sinh năm 1977.

Trú tại: Khu H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt).

5. Anh **Bùi Văn H**- Sinh năm 1978.

Trú tại: Thôn 10, xã M, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ.

(vắng mặt).

NHẬN THẤY

Các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N và Lê Kim N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Nguyễn Văn T và Lê Ngọc N là những đối tượng không có công việc ổn định và thường xuyên sử dụng ma túy. Trong khoảng thời gian từ ngày 13/9/2016 đến 15/10/2016 N và T đã 04 lần trộm cắp xe mô tô trên địa bàn huyện Đ và địa bàn huyện T, tỉnh Phú Thọ. Sau khi trộm cắp được xe N, T đã bán 01 chiếc xe cho Lê Kim N và Hà Văn L. Các lần trộm cắp và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được các đối tượng thực hiện như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 19h00 ngày 13/9/2016, T đi xe mô tô nhãn hiệu Loncin, biển kiểm soát 90F5-3038 của mẹ là bà Tăng Thị S đến nhà N chơi. Tại đây N rủ T đi trộm cắp xe mô tô để sử dụng và được T đồng ý. N nói với T chở N đi bằng xe mô tô của T đi qua các nhà có tổ chức đám cưới xem nếu có xe mô tô mà không có người trông coi thì dừng lại để T xuống trộm cắp xe. T chở N đi theo đường liên xã C – M, huyện Đ. Khi cả hai đi đến thôn 8, xã C thấy nhà bà Nguyễn Thị S tổ chức đám cưới, ven đường đối diện nhà bà S dựng nhiều xe mô tô không có người trông coi. T điều khiển xe đi qua cổng nhà bà S khoảng 20m thì vòng lại, đi chậm để cho N nhảy xuống trộm cắp xe. N đi bộ đến nơi đến nơi có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE α màu xanh – đen – bạc biển kiểm soát 19E1-160.73 của anh Lê Xuân T dựng ở ven đường. N lấy chiếc tô vít 2 cạnh dài khoảng 15cm có chuôi bằng nhựa N chuẩn bị trước đó chọc vào ổ khóa xe, mở ổ khóa điện sau đó N

nổ máy điều khiển xe đi về nhà. Khi về đến nhà N lấy chiếc cờ lê có sẵn ở nhà mình tháo biển kiểm soát 19E1-160.73 ra dấu lên máng nước mưa đầu nhà mình. Để tránh bị phát hiện N đã đến cửa hàng bán phụ tùng xe mô tô của anh Nguyễn Tiến H mua bộ vỏ xe mới màu trắng và bộ khóa xe mới với giá 2.200.000đ và mang đến cửa hàng sửa chữa xe của anh Bùi Văn H nhờ anh H thay hộ. Đối với bộ vỏ xe cũ N đã cho anh H và anh H đã bán cho người không biết tên nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Vụ thứ hai: Khoảng 17h00 ngày 19/9/2016, T đi làm về qua xã Đ, huyện T. T thấy có nhà tổ chức đám cưới nên T gọi điện thoại cho N rủ tối đến đám cưới trộm cắp xe và được N đồng ý. T điều khiển xe mô tô 90F5-3038 đế nhà N ăn cơm đợi đến tối trộm cắp tài sản. Đến khoảng 20h00, sau khi ăn xong T điều khiển xe chở N đi ra tỉnh lộ 314B hướng đi thị trấn T. Trên đường đi T đưa N chiếc tô vít để làm dụng cụ phá khóa xe. Khi đi đến đám cưới ở xã Đ, huyện T thấy bên trong sân dựng nhiều xe nhưng có đèn thắp sáng, do sợ bị phát hiện nên N và T không trộm cắp ở đây mà tiếp tục đi về hướng thị trấn T. Khi đi đến khu 7, xã Đ, huyện T cả hai phát hiện nhà ông Hà Văn T tổ chức đám cưới, phía bên trái đường dựng nhiều xe mô tô không có người trông coi. T đi qua khoảng 20m và dừng lại để N xuống trộm cắp xe. N đi bộ đến chiếc xe mô tô nhã hiệu YAMAHA SIRIUS màu trắng – đen biển kiểm soát 19U2-2432 của anh Nguyễn Tiến L dựng ở gần cổng. N đã dùng tô vít mở được khóa xe và nổ máy điều khiển xe đi thẳng và nhà mình. T điều khiển xe đi theo cùng về nhà N. Khi về nhà N đưa cờ lê cho T tháo biển kiểm soát xe và cất dấu lên máng nước mưa nhà N. Do ngày 13/9/2016 trộm cắp được xe ở C. N đã để sử dụng nên N bảo với T lấy chiếc xe N vừa trộm cắp về sử dụng. T đồng ý và đã lấy chiếc xe trên làm phương tiện đi lại.

Vụ thứ 3: Khoảng 19h00 ngày 24/9/2016, T tháo biển kiểm soát xe mô tô 90F5-3038 lắp sang xe mô tô YAMAHA nhãn hiệu sirius do T và N trộm cắp ở xã Đ, huyện T sau đó chở Hà Văn L (L là bạn T lúc đó đang chơi ở nhà T) đến nhà N chơi và ăn cơm. Khoảng 20h00 cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, T rủ N đi trộm cắp xe mô tô và được N đồng ý. Do không muốn L biết mình đi trộm cắp xe nên T nói với L "Tý tao với thằng N đi chơi, mày đi đâu thì đi hay đi về", L trả lời "thả tao ở quán điện tử, lúc nào về đón tao". T đồng ý và điều khiển xe chở N, L đi theo Quốc lộ 2. Khi đi đến cổng trường cấp 3 C thấy có 01 quán điện tử nên T dừng xe để L vào chơi điện tử còn T tiếp tục chở N đi tìm xe mô tô sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến đoạn đường Quốc lộ 2 thuộc địa bàn thôn 1, xã Y, huyện Đ thì thấy đám cưới của gia đình anh Lê Việt H, giáp đám cưới là xưởng sửa chữa ô tô của gia đình anh Nguyễn Ngọc L ở cùng thôn. Trước xưởng nhà anh L có dựng nhiều xe mô tô các loại không có người trông coi. T điều khiển xe mô tô đi chậm để N nhảy xuống đi bộ lại nơi dựng chiếc xe YAMAHA nhãn hiệu sirius màu trắng – đen biển kiểm soát 19E1-053.07 của anh Lê Văn Q là khách đến ăn cưới dựng ở ngoài cùng cách ven đường Quốc lộ 2 khoảng 5m. N cầm tô vít cắm vào ổ khóa điện xe và vặn tô vít để mở khóa. Khi mở được khóa điện xe, N khởi động máy điều khiển xe đi thẳng về nhà. Về đến nhà N và T dùng kìm và cờ lê tháo biển kiểm soát của xe vừa trộm cắp ra cất dấu lên máng nước mưa sau đó cất dấu xe vừa trộm cắp tại nhà N, còn T ra

quán điện tử đón L về nhà mình ngủ. Đến ngày 26/9/2016 L về nhà nhưng không có tiền để đi xe khách nên L đã đòi T số tiền 1.500.000đ mà T đã nợ trước đó. Do không có tiền để trả nợ L nên T đã nói với L là T bán cho L chiếc xe sirius với giá 3.500.000đ để trừ nợ. Bản thân L biết T không có nghề nghiệp gì và là người nghiện ma túy nên chiếc xe T bán cho L chỉ do T trộm cắp mà có nhưng vì hám lợi nên T đã đồng ý mua chiếc xe trên. Đối với số tiền còn thiếu 2.000.000đ L và T thống nhất L sẽ gửi trả sau. Sau khi được L đồng ý mua xe, T đã chở L đến nhà N. Khi đến nơi T nói với N "Thằng bạn em nó về nhà, cho nó lấy xe về còn anh em mình nói chuyện sau" và được N đồng ý. T lấy chiếc biển kiểm soát 19E1-053.07 trên máng nước đưa cho L và dặn về đến nhà mới được lắp biển. L hiểu ý xe L mua do T trộm cắp mà có, nếu lắp vào sẽ bị phát hiện nên L đã điều khiển xe không lắp biển kiểm soát về. Về đến nhà, L dấu chiếc biển kiểm soát 19E1-053.07 ở mái sau nhà và lấy chiếc biển kiểm soát 33P3-4050 do L nhặt được ở đầu cầu Yên Bái lắp vào xe để sử dụng. Đến khoảng cuối tháng 11/2016, do không có tiền để trả số tiền mua xe còn thiếu nên L đã điện thoại cho T bảo trả xe và đòi lại 1.500.000đ thì T nói với L cứ để xe đi, khi nào có người mua xe thì T sẽ điện cho L mang xe xuống bán.

Đến ngày 11/12/2016, trong khi T đang xây phòng vệ sinh cho gia đình Lê Kim N thì biết N đang có nhu cầu mua xe mô tô giá rẻ nên T nói với N "em có con xe thằng bạn trước làm cùng ở Quảng Ninh đang đi trên Yên Bái, nếu lấy em bảo nó mang xuống". T nói cho N biết chiếc xe này là do T trộm cắp mà có. Nghe xong, N đồng ý mua và bảo T mang xe xuống cho N. Ngay sau đó, T đã điện thoại bảo L mang xe xuống để bán cho N. Khi L mang xe đến nơi, T đã bán xe cho N với giá 3.500.000đ và T đã trả cho L 1.300.000đ. Sau khi mua được xe, N dùng máy khoan của nhà mình lắp 01 viên đá mài vào đầu máy và trà lên số máy của xe với mục đích không để cơ quan pháp luật phát hiện số máy của chiếc nêu xe trên. Đối với chiếc biển kiểm soát 33P3-4050 được T lấy lại và lắp vào chiếc xe mô tô mà T và N đã trộm cắp ở huyện Thanh Ba. Số tiền có được còn lại do bán xe T đã ăn tiêu hết.

Vụ thứ 4: Khoảng 20h00 ngày 15/10/2016, do biết gia đình ông Vũ Văn Q ở thôn 3, xã C, huyện Đ có tổ chức đám cưới nên T điều khiển xe mô tô trộm cắp ở Thanh Ba đến rủ và chở N đến nhà ông Q để trộm cắp xe mô tô. Đến nơi T đứng ở ngoài canh gác, còn N đi bộ vào bãi đất trống cạnh đám cưới thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE α biển kiểm soát 21B1-434.42 của anh Nguyễn Đức Q đến dự đám cưới ở đó. Thấy không có người trông coi nên N đã dùng chiếc tô vít cắm vào ổ khóa và mở khóa xe. Khi mở được khóa xe, N đã dắt xe ra sau đó nổ máy điều khiển xe về nhà. Về đến nhà N tiếp tục mở khóa cốp xe ra thấy bên trong có 01 túi nilon có chứa đăng ký xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe đều mang tên anh Nguyễn Đức Q nên T đã đốt chứng minh thư và giấy phép lái xe của anh Q còn đăng ký xe và bảo hiểm trách nhiệm dân sự Nhu đã giữ lại cùng chiếc xe để làm phương tiện đi lại.

Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định giá trị 04 chiếc xe mô tô do N, T trộm cắp. Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định 04 chiếc xe trên tổng trị giá là 46.470.000đ (xe HONDA WVE α biển kiểm soát 19E1-160.73 của

anh Lê Xuân T giá 11.760.000đ; xe YAMAHA sirius biển kiểm soát 19U2-2432 của anh Nguyễn Tiến L giá 8.600.000đ; xe YAMAHA sirius biển kiểm soát 19E1-053.07 của anh Lê Văn Q giá 11.900.000đ; xe HONDA WAVE biển kiểm soát 21B1-434.42 của anh Nguyễn Đức Q giá 14.210.000đ).

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N, Lê Kim N đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như trên.

Đối với Hà Văn L sau khi Cơ quan điều tra khởi tố vụ án, khởi tố Hà Văn L đã bỏ trốn hiện Cơ quan điều tra đã truy nã và tách ra khi nào bắt được thì xử lý sau.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 04 chiếc xe cùng biển kiểm soát do T, N trộm cắp mà có và đăng ký và giấy chứng nhận bảo hiểm dân sự mang tên Nguyễn Đức Q, xác định vật chứng của vụ án. Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ tại nhà Lê Ngọc N 01 chiếc kìm bằng kim lại màu trắng xám dài 13cm; 01 chiếc cờ lê cỡ 10-12 dài 12cm. Đối với chiếc đèn pin N dùng soi cho T tháo biển kiểm soát xe mô tô trộm cắp được N đã vứt ở đâu không nhớ; chiếc tô vít N dùng để phá khóa xe, sau khi trộm cắp N đã đưa cho T, hiện T đã làm rơi ở đâu không nhớ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. Đối với chiếc biển kiểm soát 19E1-160.73 do N đã làm mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự anh Nguyễn Xuân T, anh Nguyễn Tiến L, anh Lê Văn Q, anh Nguyễn Đức Q đã nhận lại xe mô tô cùng đăng ký xe và giấy chứng nhận bảo hiểm. Ngoài ra anh T đã được N thay trả bộ vỏ xe màu xanh – đen – bạc. Đối với biển kiểm soát của xe anh T đã tự khắc phục xin cấp lại biển kiểm soát; anh Q đã tự khắc phục và xin cấp lại chứng minh nhân dân, giấy phép lái xe mô tô. Các bị hại không yêu cầu phải bồi thường gì khác.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 90F5-3038 Nguyễn Văn T dùng để chở Lê Ngọc N đi trộm cắp, quá trình điều tra xác định đây là tài sản hợp pháp của bà Tăng Thị S là mẹ của T, việc T dùng xe đi trộm cắp tài sản bà S không biết nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với việc anh Nguyễn Tiến H là người đã bán bộ vỏ xe mô tô và bộ khóa xe cho N và anh Bùi Văn H là người đã thay hộ bộ vỏ xe và khóa cho N. Quá trình điều tra xác định anh H, anh H không biết đó là xe do N phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Về điều kiện kinh tế của các bị cáo, quá trình điều tra xác định các bị cáo sống phụ thuộc gia đình, không có tài sản riêng gì có giá trị. Bị cáo T và N là hộ cận nghèo.

Về tài sản riêng của các bị cáo: Cơ quan điều tra xác minh bị cáo không có tài sản riêng gì có giá trị.

Tại bản cáo trạng số 70 ngày 08/11/2017 VKSND huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Ngọc N về tội "Trộm cắp tài

sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Kim N về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện VKSND Huyện Đoan Hùng đề nghị:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo Lê Kim N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Các điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, Điều 50, Điều 51 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 24 tháng đến 27 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 27/HSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 7 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 09 năm tù đến 09 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 21/12/2016.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự; Nghị quyết số 144/2016/QH10 ngày 29/6/2016 của Quốc Hội; Điểm x khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Ngọc N.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 50, Điều 51 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Kim N.

Xử phạt bị cáo Lê Kim N từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với bản án số 27/HSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xử phạt bị cáo Lê Kim N 8 năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của hai bản án từ 08 năm 09 tháng tù đến 09 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 21/12/2016.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Áp dụng: Khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự, điểm b, c, đ khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng đã trả cho: Bà Tăng Thị S 01 xe mô tô biển kiểm soát 90F5- 3038; Anh Lê Xuân T 01 xe mô tô biển kiểm soát 19E1- 160.73; Anh Nguyễn Tiến L 01 xe mô tô Biển kiểm soát 19U2- 2432; Anh Lê Văn Q 01 xe mô tô Biển kiểm soát 19E1- 053.07; Anh Nguyễn Đức Q 01 xe mô tô Biển kiểm soát 21B1- 434.42 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kìm bằng kim loại màu trắng dài 13cm, 01 chiếc cờ lê cỡ 10-12 dài 12cm, 01 biển kiểm soát 33P3- 4050.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ□ợc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, bị cáo, những người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

XÉT THẤY:

Trước cơ quan điều tra và tại phiên toà các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N và Lê Kim N khai nhận: Trong khoảng thời gian từ ngày 13/9/2016 đến 15/10/2016, tại địa bàn huyện T và huyện Đ, Nguyễn Văn T và Lê Ngọc N đã 04 lần trộm cắp xe mô tô. Tổng giá trị tài sản do T, N trộm cắp có giá trị 46.470.000đ. Sau khi trộm cắp được xe mô tô các đối tượng đã dùng để sử dụng cho bản thân, sau đó T đã bán lại cho Lê Kim N 01 chiếc xe mô tô với số tiền 3.500.000đ. Lê Kim Ng biết xe mô tô do T trộm cắp mà có nhưng do hám lời N vẫn mua.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng của vụ án đã được thu giữ, lời khai của những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ng- ời làm chứng, biên bản xác định hiện tr- ờng và kết quả định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản huyện Đoan Hùng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử kết luận các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt đ- ợc quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự. Bị cáo Lê Kim N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" đ- ợc quy định tại khoản 1 điều 250 Bộ luật hình sự.

Nội dung khoản 1 điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

" *Ng□ời nào trộm cắp tài sản của ng□ời khác có giá trị từ hai triệu đồng đến d□ới năm m□ơi triệu đồng hoặc d□ới hai triệu đồng nh□ng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, ch□a đ□ợc xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".*

Nội dung Khoản 1 Điều 250/BLHS quy định:

" Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm".

Xét tính chất vụ án thuộc loại tội ít nghiêm trọng, nh- ng hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi trộm cắp và tiêu thụ tài sản trộm cắp đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác đ- ợc pháp luật bảo vệ. Gây mất trật tự trị an xã hội và tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân vì vậy hành vi của bị cáo phải bị xử lý nghiêm tr- ớc pháp luật.

Tuy nhiên khi quyết định hình phạt cần xem xét đến vai trò, nhân thân của từng bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo: Vụ án có đồng phạm giản đơn, bị cáo N và bị cáo T thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, vụ trộm cắp tài sản đầu tiên do N khởi sướng còn 3 vụ trộm cắp tài sản sau do T khởi sướng, bị cáo N là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo T là người chỉ điểm, dẫn đường để cùng N thực hiện hành vi trộm cắp nên vai trò, hành vi phạm tội của hai bị cáo là nguy hiểm như nhau.

Đối với bị cáo T nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nhưng bị cáo 4 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các lần trộm cắp giá trị tài sản đều trên 2.000.000đ nên bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Bị cáo sau khi phạm tội đã ăn năn, thành khẩn khai báo nhận tội, trước khi phạm tội bị cáo đã có thời gian phục vụ trong quân ngũ, có mẹ đẻ là người đã có nhiều thành tích xây dựng hội nông dân, được tặng kỷ niệm chương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo N nhân thân đã có một tiền án về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy", trong vụ án này bị cáo 4 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các lần trộm cắp giá trị tài sản đều trên 2.000.000đ nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội nhiều lần, tái phạm được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội nên bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Ngoài ra bố đẻ bị cáo N là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến, huân chương giải phóng và là thương binh. Theo quy định bị cáo N được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 144/2016/QH10 ngày 29/6/2016 của Quốc hội về áp dụng nguyên tắc có lợi thì tình tiết giảm nhẹ này được quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với bị cáo N nhân thân không có tiền án, tiền sự nên bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo nhận tội nên bị cáo được hưởng 1 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Bị cáo không được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng vì nhân thân bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử bằng một bản án nay đã được xóa án.

Từ những phân tích trên xét thấy cần phải xử phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội. Ngoài ra đối với các bị cáo Nguyễn Văn T và Lê Kim N hiện đang chấp hành hình phạt tại bản án hình sự sơ thẩm số 27/HSST/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh phú thọ về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" với mức hình phạt đối

với bị cáo T là 7 năm tù, bị cáo N là 8 năm tù nên cần áp dụng khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với hai bị cáo.

*** Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 điều 138 Bộ luật hình sự: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm m- ơi triệu đồng và theo quy định tại khoản 5 điều 250 Bộ luật hình sự; Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ ba triệu đồng đến ba mươi triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản hoặc một trong hai hình phạt này. Qua xác minh các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì có giá trị, nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

Đối vối vật chứng là bốn chiếc xe máy đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng thu hồi trả lại cho những người bị hại, những người bị hại sau khi nhận lại tài sản không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết. Cần xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng đã trao trả tài sản cho những người bị hại là đúng pháp luật.

Đối với giấy tờ xe và biển kiểm soát xe do các bị cáo T và N trộm cắp của anh Lê Xuân T, anh T đã tự khắc phục lại xin cấp Biển kiểm soát và anh Q đã tự khắc phục và xin cấp lại chứng minh thư nhân dân, giấy phép lái xe mô tô. Anh T và anh Q không yêu cầu các bị cáo bồi thường gì nên không đặt ra giải quyết.

Đối với số tiền bị cáo T bán xe mô tô cho bị cáo N mà có, bị cáo T đã trả cho L 1.300.000đ, số tiền còn lại 2.200.000đ bị cáo T đã chi tiêu hết. Xét thấy đây là số tiền do phạm tội mà có nên cần truy thu sung công quỹ Nhà nước. Tuy nhên bị cáo T đã đưa cho L 1.300.000đ do đó khi nào bắt được L sẽ truy thu sau. Số tiền còn lại 2.200.000đ cần truy thu để sung quỹ Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô Biển kiểm soát 90F5- 3038 là tài sản hợp pháp của bà Tăng Thị S, việc T dùng chiếc xe đi trộm cắp tài sản bà S không biết do đó Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà S là đúng pháp luật cần xác nhận.

Đối với đồ vật, công cụ các đối tượng dùng vào việc phạm tội là chiếc kìm, chiếc cờ lê, biển kiểm soát 33P- 4050 đây là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm** :

Cần buộc bị cáo Lê Kim N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, là hộ cận nghèo nên áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đoan Hùng về tội danh đối với các bị cáo, về hình phạt đối với bị cáo Nc và trách nhiệm dân sự, đường lối sử lý vật chứng là đúng pháp luật nên cần chấp nhận. Về hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo N do hai bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 Bộ luật hình sự và tài sản trộm cắp đã thu hồi trả những người bị hại, những người bị hại sau khi nhận tài sản đều không yêu cầu bị cáo bồi thường gì nên chỉ cần xử phạt hai bị cáo với mức hình phạt 01 năm 08 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

*** Về trách nhiệm hình sự**:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N phạm tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo và Lê Kim N phạm tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 01 (Một) năm 08 (Tám) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Nguyễn Văn T 07 (bẩy) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 08 (Tám) năm 08 (Tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 21/12/2016.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1 Điều 46; Điểm g khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điểm x khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, đối với bị cáo Lê Ngọc N.

Xử phạt bị cáo Lê Ngọc N 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam bị cáo là ngày 02/11/2017.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 250; Điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đối với bị cáo Lê Kim N.

Xử phạt bị cáo Lê Kim N 09 (Chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt của bản án này với bản án hình sự sơ thẩm số 27/2017/HSST ngày 29/8/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ đã xử phạt Lê Kim N 08 (tám) năm tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy". Buộc bị cáo Lê Kim N phải chấp hành hình phạt của hai bản án là 08 (Tám) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam bị cáo là ngày 21/12/2016.

*** Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:**

Áp dụng: Điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 41 Bộ luật hình sự; Điểm b, c, đ khoản 2 Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Văn T 2.200.000đ (Hai triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đoan Hùng đã trả cho: Bà Tăng Thị S 01 xe mô tô biển kiểm soát 90F5- 3038; Anh Lê Xuân T 01 xe mô tô biển kiểm soát 19E1- 160.73; Anh Nguyễn Tiến L 01 xe mô tô Biển kiểm soát 19U2- 2432; Anh Lê Văn Q 01 xe mô tô Biển kiểm soát 19E1- 053.07; Anh Nguyễn Đức Q 01 xe mô tô Biển kiểm soát 21B1- 434.42 cùng 01 giấy đăng ký xe mô tô và 01 giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô.

- Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc kìm bằng kim loại màu trắng dài 13cm, 01 chiếc cờ lê cỡ 10-12 dài 12cm, 01 biển kiểm soát 33P3- 4050.

*** Về án phí hình sự sơ thẩm:**

- Áp dụng: Khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Lê Kim N phải nộp 200.000đ.(*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn án phí hình sự cho các bị cáo Nguyễn Văn T, Lê Ngọc N.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Những người bị hại, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án đ- ợc giao hoặc niêm yết hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- VKSND Huyện+Tỉnh;
- Sở T- pháp.
- CA Huyện; trại giam.
- Thi hành án HS.
- THADS huyện;
- Những người bị hại.
- Những người có QLNVLQ;
- Bị cáo.
- L- u HS+VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà